

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH AN GIANG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/DS-PT

Ngày: 31/8/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

*Các Thẩm phán:* ông Thái Văn Chấn;  
ông Khưu Đức Dành.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Đỗ Phước Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2022/TLPT-DS ngày 04/4/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án sơ thẩm số 195/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐ-PT ngày 22/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2022/QĐ-PT ngày 09/8/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** ông N.T.U, sinh năm 1959; nơi cư trú: ấp X, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U: bà P.T.N.H, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp X, thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022 và ông Đ.V.K, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 29, tổ 60B, khóm Đ, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông U: Luật sư B.T.P.T – Văn phòng luật sư P.T, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 07 đường H, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang, (có mặt).

**- Bị đơn:** bà N.T.H.V, sinh năm 1967; địa chỉ cũ: số 696/11, ấp T, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú hiện nay: hẻm 38, ấp T, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: ông H.H.L, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 17, ấp Đ, xã Đ.A, huyện M, tỉnh An Giang, văn bản ủy quyền ngày 24/8/2022, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông N.T.N, sinh năm 1978, (vắng mặt);
2. Bà P.T.T.T, sinh năm 1977, (có đơn xin xét xử vắng mặt);  
Cùng cư trú: 298 T, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Ông N.P.T, sinh năm 1965, (vắng mặt);
4. Bà N.T.T, sinh năm 1960, (vắng mặt);

Hộ khẩu: ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; cùng tạm trú: đường L (khu thương mại), ấp Trung 1, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang.

5. Ông N.H.C, sinh năm 1969, (có mặt);
6. Bà N.X.L, 41 tuổi (vợ ông C, vắng mặt);
7. Anh N.T.K, 21 tuổi (con ông C, vắng mặt));  
Cùng cư trú: số nhà 0934, tổ 7, ấp Thành T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*Người kháng cáo:* bị đơn bà N.T.H.V.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà P.T.N.H đại diện nguyên đơn ông N.T.U trình bày:***

Do quen biết bà V nên ngày 14/4/2020 ông U cho bà N.T.H.V mượn số tiền 500.000.000đ, bà V có làm giấy thế chấp tài sản diện tích đất 148,8m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS10836, cấp ngày 05/8/2019 do bà V đứng tên và một căn nhà gắn liền nền đất ở tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang. Từ khi mượn tiền đến nay bà V không trả tiền và ông U cũng không nhận tiền gì của ai do bà V giat nợ sang cho ông U. Nay ông U yêu cầu bà V trả cho ông U số tiền 500.000.000đ và lãi theo quy định từ ngày 14/4/2020 cho đến khi kết thúc vụ án.

***Quá trình giải quyết vụ án bà N.T.H.V trình bày:***

Bà có làm ăn với ông U nhiều lần, có khoản tiền góp, tiền vay nhưng không làm giấy tờ, sau đó bà ký tên thế chấp tài sản quyền sử dụng đất để mượn 500.000.000đ của ông U (hợp đồng thế chấp vay vốn ghi ngày 14/4/2020 là do bà ký tên), trong số tiền mượn 500.000.000đ này bà nhiều lần đã trả dần, trả lãi như sau: tháng 5/2019 ÂL vay 200.000.000đ lãi suất 2,5%/tháng trả lãi đầy đủ đến ngày 18/7/2020 ÂL thì ngưng cho đến nay; tiền góp nhận ngày 20/3/2020 ÂL, số tiền 50.000.000đ, góp 10 tháng, mỗi tháng 6.000.000đ, góp được 3 kỳ (tháng 4, 5, 6/2020 ÂL), còn 7 kỳ = 42.000.000đ; tiền góp nhận ngày 10/5/2019 ÂL, số tiền 50.000.000đ, góp 10 tháng, mỗi tháng 6.000.000đ, góp đến ngày 10/3/2020 ÂL đã xong; tiền góp nhận ngày 11/8/2019 ÂL, số tiền 50.000.000đ,

góp 10 tháng, mỗi tháng 6.000.000đ, góp đến ngày 11/6/2020 ÂL đã xong; tiền góp nhận ngày 15/9/2019 ÂL, số tiền 50.000.000đ, góp 10 tháng, mỗi tháng 6.000.000đ, góp đến ngày 15/7/2020 ÂL, còn nợ 1 kỳ chưa góp = 6.000.000đ; tiền góp nhận ngày 15/01/2020 ÂL, số tiền 100.000.000đ, góp 10 tháng, mỗi tháng 12.000.000đ, góp được 5 kỳ (tháng 2, 3, 4, 5, 6/2020 ÂL), còn 5 kỳ chưa góp, còn nợ 60.000.000đ. Hiện nay bà còn nợ ông U 308.000.000đ. Tất cả các lần tiền góp và tiền vay, nhận và trả cho ông U chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ. Trong số tiền nợ ông U bà có gặt nợ cho bà N.T.B sinh năm 1955 và anh P.T.P sinh năm 1998, ngụ ấp Trung 3 (ở trọ nhà bà Ti phía trong hẻm 38), thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (hiện nay hai người này không có ở địa phương) số tiền 600.000.000đ. Bà có liên lạc với bà B qua điện thoại thì bà B cho rằng đã trả được cho ông U khoản 100.000.000đ, ngoài ra trước khi vỡ nợ bà bỏ đi có dẫn ông U đến những người thiếu nợ của bà (bà B, ông P) để ông U nhận tiền góp hàng tháng của bà B, ông P, nhưng đến nay bà không biết ông U nhận được bao nhiêu tiền từ bà B, ông P.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.P.T và bà N.T.T có ý kiến trình bày:***

Trước đây chúng tôi có mua phần đất của vợ chồng ông N.T.N, bà P.T.T.T diện tích ngang 4m, dài 15m, tại hẻm 38, ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang. Ngày 25/10/2016 chúng tôi bán lại cho bà N.T.H.V 2 nền với giá mỗi nền là 80.000.000đ diện tích 60m<sup>2</sup> (ngang 4m, dài 15m), bà V trả đủ cho vợ chồng chúng tôi số tiền là 160.000.000đ. Đất mua từ vợ chồng ông N, bà T làm bằng giấy tay, sau đó bán lại cho bà V cũng làm giấy tay, chưa sang tên chuyển quyền sử dụng đất từ ông N, bà T sang tên chúng tôi, nên cũng chưa sang tên được cho bà V đất này. Bà V đã cất nhà ở trên đất này (vẫn còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông N, bà T).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.H.C (em bà V), bà N.X.L (vợ ông C), anh N.T.K (con ông C) có ý kiến trình bày:***

Trước đây cha mẹ ruột ông C khi còn sống có tạo lập được phần đất và căn nhà, khi cha mẹ chết để lại cho các con làm phỉ thờ. Bà N.T.H.V về làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh em cũng thống nhất, cụ thể diện tích đất 148,8m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS10836, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/8/2019, đất thuộc xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà N.T.H.V đứng tên. Nhà đất này hiện nay bà V đem thế chấp cho ông U vay tiền thì bà V tự trả, còn phần đất này và căn nhà là phỉ thờ không đồng ý bán trả nợ cho bà V.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N.T.N, bà P.T.T.T vắng mặt, nhưng có ý kiến trình bày như sau:***

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự

2015; căn cứ Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.T.U đối với bà N.T.H.V về “Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà N.T.H.V phải trả cho ông N.T.U số tiền vốn vay và lãi là 658.650.000đ (sáu trăm năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), trong đó vốn gốc 500.000.000đ, lãi 158.650.000đ.

- Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 và Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đối với tài sản của bà N.T.H.V để bảo đảm cho việc thi hành án cho ông N.T.U .

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho ông N.T.U số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu ngày 01/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh huyện T khi bản án có hiệu lực.

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà N.T.H.V phải chịu 30.346.000đ. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

- Kể từ ngày ông N.T.U có đơn yêu cầu thi hành án mà bà N.T.H.V không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự có mặt, vắng mặt tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, bị đơn bà N.T.H.V kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn 308.000.000đ, không đồng ý trả lãi phát sinh, không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên duy trì 02 quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

### ***Tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn bà V xác định giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Bà V xác định có mượn ông U 500.000.000đ không thỏa thuận lãi, chỉ thỏa thuận đến tháng 7/2020 sẽ trả nợ. Nay bà đồng ý trả vốn cho ông U 500.000.000đ, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ và xin phần lãi, không đồng ý việc tòa sơ thẩm tuyên duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 và Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021, vì nhà, đất tại Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 bà đã chuyển nhượng cho bà N, tài sản này hiện do vợ chồng bà N quản lý từ năm 2020 cho đến nay. Bà V xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới, nếu nguyên đơn

không đồng ý bà yêu cầu xét xử theo pháp luật. Ông L đại diện theo ủy quyền của bà V thống nhất theo ý kiến bà V, không trình bày gì thêm và cũng không tranh luận.

Tranh luận lại ý kiến bà V, ông L, ông K đại diện của ông U xác định ông U cho bà V mượn 500.000.000đ không thỏa thuận lãi, bà V có thể chấp tài sản diện tích đất 148,8m<sup>2</sup>, thửa số 183, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS10836, cấp ngày 05/8/2019 do bà V đứng tên và một căn nhà gắn liền nền đất ở ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang. Do bà V vi phạm thời hạn cam kết trả nợ nên ông U khởi kiện yêu cầu bà V trả 500.000.000đ và lãi theo pháp luật và yêu cầu duy trì 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm việc thi hành án cho ông U là đúng pháp luật. Việc cơ quan thi hành án không thực hiện theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản căn nhà gắn liền nền đất ở ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang là việc của cơ quan thi hành án, bởi bà V giao tài sản thế chấp này cho bà N sau ngày làm giấy thế chấp mượn tiền. Tại phiên tòa hôm nay ông không đồng ý cho phân lãi và xin trả dần số nợ 500.000.000đ theo yêu cầu của bà V, ông đồng ý để tòa phúc thẩm điều chỉnh lại lãi suất cho đúng pháp luật; yêu cầu tòa phúc thẩm tiếp tục duy trì 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để bảo đảm việc thi hành án cho ông U. Bà H đại diện của ông U thống nhất theo ý kiến ông K, không bổ sung ý kiến.

Phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông U và tranh luận lại ý kiến bà V, ông L, Luật sư T cho rằng bà V không có chứng cứ mới chứng minh đã trả vốn vay số tiền 192.000.000đ cho ông U. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý trả vốn 500.000.000đ cho ông U, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ và xin phân lãi, nhưng người đại diện theo ủy quyền của ông U không đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà V và điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật. Về nội dung bà V kháng cáo không đồng ý duy trì 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đề nghị Hội đồng xét xử xử theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C (em bà V) xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa phúc thẩm xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký, những người tham gia tố tụng trong vụ án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung, việc bà V xin trả dần số nợ 500.000.000đ và xin phân lãi không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà V trả nợ cho ông U số tiền 500.000.000đ là có căn cứ, nhưng buộc bà V trả lãi suất 20%/năm tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ là chưa đúng với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về lãi suất. Việc bà V

yêu cầu hủy 02 Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 và Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

**[1.1]** Ngày 21/12/2021, trong hạn luật định, bà V kháng cáo nên đủ căn cứ xét xử yêu cầu kháng cáo của bà V theo trình tự phúc thẩm.

**[1.2]** Bà Thủy có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự N, T, T, L, K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, hơn nữa kháng cáo của bà V không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

**[1.3]** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, vách xây gạch, mái lợp tol, ngang 4m, dài 13,5m gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> (do bà V nhận chuyển nhượng 60m<sup>2</sup> đất từ bà T mà có), bà V đã làm hợp đồng chuyển nhượng lại nhà, đất nêu trên cho bà L.D.B.N ngày 20/12/2019 với giá 300.000.000đ. Bà V thừa nhận đã nhận đủ tiền từ bà N và giao nhà, đất cho bà N quản lý, sử dụng từ năm 2020 cho đến nay, nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển quyền theo quy định. Hồ sơ vụ án không có thủ tục tổng đạt Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 (đây là quyết định phong tỏa tài sản căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, vách xây gạch, mái lợp tol, ngang 4m, dài 13,5m gắn liền diện tích 60m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 213, tờ bản đồ số 44 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS07027 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2018 cho ông N, bà T) cho bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V xác định căn nhà cấp 4 nêu trên gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> do nhận chuyển nhượng đất diện tích 60m<sup>2</sup> từ bà T mà có, sau đó chuyển nhượng lại cho bà N, Nhà, đất này hiện do vợ chồng bà N quản lý, sử dụng từ năm 2020 đến nay. Tuy bà N từ chối tham gia tố tụng trong vụ án (biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2021, BL 60), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng bà N vào tham gia tố tụng là chưa phù hợp pháp luật tố tụng.

**[2] Về nội dung:** bà V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả cho ông U 308.000.000đ và xin phần lãi, không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với Quyết định số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 và Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 để thi hành án. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý trả vốn 500.000.000đ cho ông U, nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ và xin phần lãi, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

**[2.1]** Xét các nội dung kháng cáo của bà V đối với số tiền vay của ông U, theo đó bà xác định chỉ còn nợ ông U 308.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý trả vốn 500.000.000đ cho ông U, nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ và xin phần lãi:

Ông U với bà V tự nguyện xác lập hợp đồng mượn tiền (nhưng bản chất là hợp đồng vay tài sản là tiền) có cam kết thời hạn thanh toán, nhưng không thỏa thuận về lãi, ngày 14/4/2020 hai bên lập hợp đồng thế chấp tài sản để mượn tiền, theo đó ông U cho bà V mượn 500.000.000đ không thỏa thuận lãi, bà V thế chấp cho ông U tài sản để bảo đảm hợp đồng vay số tiền trên là quyền sử dụng đất diện tích 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà V đứng tên và căn nhà gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang không do bà V đứng tên. Thỏa thuận hẹn đến tháng 07/2020 ÂL sẽ thanh toán dứt số tiền 500.000.000đ, nếu vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên ông U được trọn quyền sở hữu. Bà V thừa nhận bà là người ký tên vào hợp đồng thế chấp mượn tiền ngày 14/4/2020. Do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, ông U khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền 500.000.000đ và lãi theo quy định từ ngày 14/4/2020 là phù hợp pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ, xử buộc bà V trả cho ông U số tiền 500.000.000đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V đồng ý trả vốn 500.000.000đ cho ông U, nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000đ và xin phần lãi, yêu cầu này của bà V không được ông K, bà H (đại diện của ông U) đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

Về phần lãi suất, đối chiếu với quy định của pháp luật, cũng như lời khai thừa nhận của bà V, ông K, bà H (đại diện của ông U) cùng thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm, các bên thỏa thuận mượn tiền nhưng không thỏa thuận lãi. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định, ngày 14/4/2020 giữa ông U với bà V tự nguyện xác lập hợp đồng mượn tiền (nhưng bản chất là hợp đồng vay tài sản là tiền), có cam kết thời hạn thanh toán, nhưng không thỏa thuận về lãi, có thế chấp tài sản. Theo đó bà V mượn ông U 500.000.000đ như bà V thừa nhận, bà V vi phạm thời hạn cam kết trả tiền, vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà V phải có nghĩa vụ trả lãi cho ông U là đúng pháp luật. Đây là hợp đồng vay tài sản là tiền không thỏa thuận về lãi, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 20%/năm, thời hạn vi phạm nghĩa vụ là 19 tháng (tháng 4/2020 đến tháng 11/2021), xử buộc bà V trả lãi cho ông U 158.650.000đ là chưa đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp này phải áp dụng mức lãi suất 10%/năm, thời gian vi phạm nghĩa vụ từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2022 (ngày xét xử phúc thẩm 31/8/2022) là 25 tháng:  $[500.000.000đ \times 10\%/12 \text{ tháng} (0,83\%/tháng) \times 25 \text{ tháng} = 103.750.000đ]$ , để xử buộc bà V trả lãi cho ông U là phù hợp pháp luật. Do đó cần sửa án về phần lãi suất, chỉ xử buộc bà V trả cho ông U tổng số tiền 603.750.000đ (vốn 500.000.000đ, lãi 103.750.000đ) là đúng quy định Bộ luật Dân sự năm 2015.

**[2.2]** Xét nội dung kháng cáo việc bà V không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm tuyên duy trì đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 và Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ngày 30/11/2020 (BL 36) ông U có đơn yêu cầu phong tỏa tài sản quyền sử dụng đất diện tích 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà V đứng tên và căn nhà gắn liền diện

tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang để bảo đảm việc thi hành án cho ông. Yêu cầu của ông U được chấp nhận, nên ngày 01/12/2020 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với ông U (Quyết định số 18/2020/QĐ-BPBD ngày 01/12/2020, BL 48) buộc ông U nộp số tiền 30.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T (giấy nộp tiền do ông U nộp tiền tại Ngân hàng ngày 01/12/2020, BL 49). Theo đó, ngày 01/12/2020 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT (BL 50), phong tỏa tài sản quyền sử dụng đất diện tích 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do bà V đứng tên; ngày 03/3/2021 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT (BL 51), phong tỏa tài sản căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (nhà, đất này bà V đã chuyển nhượng cho bà N theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 20/12/2019, BL 20, 22). Các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được gửi cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ngày 02/12/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định thi hành án thụ động số 262/QĐ-CCTHADS để thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là bà V đối với diện tích đất 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà V đứng tên ngày 05/8/2019 (BL 78). Ngày 03/12/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định số 05/QĐ-CCTHADS thu hồi toàn bộ Quyết định thi hành án thụ động số 262/QĐ-CCTHADS ngày 02/12/2020 đối với tài sản phong tỏa là diện tích đất 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà V đứng tên ngày 05/8/2019. Ngày 03/12/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ban hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ủy thác thi hành án cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long, phong tỏa tài sản của bà V đối với diện tích đất 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà V đứng tên ngày 05/8/2019 để bảo đảm thi hành án cho ông U. Như vậy thực tế Chi cục Thi hành án dân sự huyện T không ban hành quyết định thi hành án để thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm để phong tỏa tài sản căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (nhà, đất này bà V đã chuyển nhượng cho bà N, theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/12/2019) để bảo đảm thi hành án cho ông U. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 phong tỏa tài sản của bà V diện tích đất 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà V đứng tên ngày 05/8/2019 để bảo đảm thi hành án cho ông U là đúng pháp luật. Riêng việc tuyên duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 để phong tỏa tài sản của bà V đối với tài sản căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất



60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (nhà, đất này bà V đã chuyển nhượng cho bà N, theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/12/2019) để bảo đảm việc thi hành án cho ông U là chưa đúng quy định pháp luật vì nhà, đất này hiện do vợ chồng bà N đang trực tiếp quản lý, sử dụng, bà V đã xác định rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Điều này còn phù hợp với lời khai của bà N ngày 31/5/2021 (BL 60), hơn nữa diện tích đất 60m<sup>2</sup> hiện vẫn do ông N, bà T đứng tên. Nên bà V kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm duy trì Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 như án sơ thẩm tuyên để thi hành án cho ông U là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần sửa án sơ thẩm, tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, phong tỏa tài sản của bà V diện tích đất 148,8m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp cho bà đứng tên ngày 05/8/2019 để bảo đảm thi hành án cho ông U và hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, phong tỏa tài sản của bà V đối với căn nhà cấp 4 gắn liền diện tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (nhà, đất này bà V đã chuyển nhượng cho bà N, theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/12/2019) là đúng quy định pháp luật.

**[3]** Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng bà N vào tham gia tố tụng, mặc dù bà N từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này, là thiếu sót, chưa phù hợp pháp luật tố tụng, vì Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 phong tỏa tài sản nhà, đất nêu trên là của vợ chồng bà N, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tài sản của vợ chồng bà N. Nhưng do có kháng cáo của bà V không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm xử duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, phong tỏa tài sản của bà V đối với tài sản căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 60m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp Trung 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh An Giang (nhà, đất này bà V đã chuyển nhượng cho bà N, theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 20/12/2019) không còn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà V (Chi cục Thi hành án dân sự huyện T không ban hành quyết định thi hành án để thực hiện Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm) được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà V, sửa án sơ thẩm, tuyên xử hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, nên quyền lợi của vợ chồng bà N vẫn được bảo đảm. Do đó, không cần thiết hủy án sơ thẩm do thiếu người tham gia tố tụng là vợ chồng bà N, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm việc xác định người tham gia tố tụng trong vụ án cho đúng quy định pháp luật.

**[4]** Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài sản của bà V để bảo đảm việc thi hành án cho ông U, buộc ông U thực hiện biện pháp bảo đảm, ngày 01/12/2020 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với ông U (Quyết định số 18/2020/QĐ-BPBD) buộc ông U nộp số tiền 30.000.000đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát

triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T (giấy nộp tiền do ông U nộp tiền tại Ngân hàng ngày 01/12/2020) là phù hợp pháp luật. Khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả cho ông U nhận lại 30.000.000đ tiền thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T là đúng quy định, nhưng không tuyên hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm đối với ông U (Quyết định số 18/2020/QĐ-BPBD ngày 01/12/2020) là chưa đúng quy định pháp luật, nên cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

[5] Từ những căn cứ pháp luật như đã phân tích, nhận định trên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà V và sửa án sơ thẩm.

[6] Về án phí sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm về phần tiền lãi, nên bà V chỉ phải nộp 28.150.000đ án phí sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm, nên bà V không phải chịu án phí phúc thẩm, bà V được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, phúc xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà N.T.H.V.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 195/2021/DS-ST ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.T.U .

**2.** Buộc bà N.T.H.V trả cho ông N.T.U số tiền 603.750.000 đồng (trong đó vốn gốc 500.000.000 đồng và lãi 103.750.000 đồng).

**3.** Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2020/QĐ-KCTT ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đối với tài sản của bà N.T.H.V để bảo đảm việc thi hành án cho ông N.T.U .

**4.** Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-KCTT ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đối với tài sản của bà N.T.H.V để bảo đảm việc thi hành án cho ông N.T.U .

**5.** Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 18/2020/QĐ-BPBD ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đối với ông N.T.U, hoàn trả cho ông U số tiền 30.000.000 đồng theo biên lai thu ngày 01/12/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh An Giang. Ông N.T.U được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông Việt Nam chi nhánh huyện T, tỉnh An Giang.

**6.** Án phí dân sự sơ thẩm: bà N.T.H.V phải chịu 28.150.000 đồng.

**7.** Án phí dân sự phúc thẩm: bà N.T.H.V không phải chịu, bà V được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004221 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Kể từ ngày ông N.T.U có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N.T.H.V không thi hành đối với số tiền như án phúc thẩm đã tuyên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Các phần nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa, Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tuấn**